

Bản án số: 1170/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 24/8/2020
V/v: “Ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN BÌNH THẠNH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Minh Thảo
Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Nguyễn Thị Bích Thân
2. Bà Bùi Thị Cẩm Vân

Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Bà Trịnh Thị Thu Hà – Thư ký Tòa án nhân dân quận Bình Thạnh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận Bình Thạnh tham gia phiên tòa: Bà Đỗ Lê Mỹ Phương - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 8 năm 2020 tại Tòa án nhân dân quận Bình Thạnh thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 59/2020/TLST-HNGĐ, ngày 10 tháng 01 năm 2020, về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 136/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 25 tháng 6 năm 2020 và quyết định hoãn phiên tòa số 141/2020/QĐST-HNGĐ, ngày 23/7/2020, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà P T P, sinh năm 1975;
Cư trú: 106/7 N L, Phường 3, quận B T, TP. H.
2. Bị đơn: Ông N Đ P, sinh năm 1974;
Cư trú: 106/7 N L, Phường 3, quận B T, TP. H.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Bà P T P là nguyên đơn trình bày: Năm 1994, bà P và ông N Đ P chung sống đến năm 2005 hai bên tiến hành thủ tục đăng ký hôn nhân và đã được Ủy ban nhân dân Phường 3, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh cấp giấy chứng nhận kết hôn. Trong quá trình chung sống bà P và ông P phát sinh nhiều mâu thuẫn do ông P thường xuyên say rượu và đánh đập vợ con, nên bà P và ông P đã ly thân từ tháng 10/2018 cho đến nay. Nay bà P xác nhận tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn không thể hàn gắn được, nên yêu cầu được ly hôn với ông N Đ P để ổn định cuộc sống.

Về con chung: Có 03 con chung tên N Đ B, sinh ngày 04/02/1995 (đã trưởng thành); N T N Q, sinh ngày 07/3/1997 (đã trưởng thành); N Q Q, sinh ngày 25/10/2012. Bà P yêu cầu được là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con tên N Q Q, không yêu cầu ông P cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Toà án đã thông báo việc thụ lý vụ án và tiến hành hòa giải đoàn tụ giữa bà P T P và ông N Đ P theo quy định của pháp luật, nhưng ông P vắng mặt không lý do, nên các phiên hòa giải đoàn tụ không thể tiến hành được, bà P T P vẫn giữ nguyên ý kiến ly hôn với ông N Đ P. Toà án đã lập biên bản về việc không tiến hành hoà giải đoàn tụ được.

Ngày 28/5/2020, bà P T P có đơn đề nghị được vắng mặt tại phiên tòa và vẫn giữ nguyên yêu cầu của mình.

Tại phiên tòa hôm nay:

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Bình Thạnh tham gia phiên tòa sơ thẩm phát biểu ý kiến: Việc thụ lý vụ án và cấp, tổng đạt các văn bản tố tụng cho đương sự và Viện Kiểm sát thực hiện đúng theo quy định của pháp luật; Thẩm phán được phân công giải quyết hồ sơ đã tuân thủ đúng các quy định của pháp luật trong suốt quá trình thu thập chứng cứ, đưa vụ án ra xét xử và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng theo trình tự thủ tục tố tụng của pháp luật tố tụng dân sự. Các đương sự tham gia vụ án tuân thủ đúng trình tự luật định. Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà P T P. Về con chung: Có 03 con chung tên N Đ B, sinh ngày 04/02/1995 (đã trưởng thành); N T N Q, sinh ngày 07/3/1997 (đã trưởng thành); N Q Q, sinh ngày 25/10/2012. Giao cho bà P là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con tên N Q Q. Về cấp dưỡng nuôi con, bà P không yêu cầu ông P cấp dưỡng nuôi con, nên không xét. Về tài sản chung, nợ chung: Bà P T P không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp: Theo đơn khởi kiện của bà P T P yêu cầu được ly hôn với ông N Đ P. Căn cứ Điều 51 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự thì quan hệ tranh chấp trong vụ kiện này là “Ly hôn”.

[2] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Bị đơn ông N Đ P có địa chỉ thường trú tại số 106/7 N L, Phường 3, quận B T, TP. H, nên căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 thì vụ kiện này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Bình Thạnh.

[3] Về thủ tục tố tụng: Tòa án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ cho bị đơn là ông N Đ P đến Tòa án tham gia phiên tòa vào ngày 25/6/2020, 24/8/2020 nhưng ông P vẫn vắng mặt không có lý do là ông P đã tự tước đi quyền lợi trình bày và tự bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp của mình tại phiên tòa. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, thì Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt ông N Đ P.

Xét đơn đề nghị được vắng mặt tại phiên tòa của bà P T P là đúng theo quy định của pháp luật, nên căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bà P T P.

[4] Về yêu cầu của đương sự:

[4.1] Về quan hệ hôn nhân: Bà P T P yêu cầu được ly hôn với ông N Đ P, Hội đồng xét xử nhận thấy: Căn cứ giấy chứng nhận kết hôn số 097 quyền số 01 đã được Ủy ban nhân dân Phường 3, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 08/7/2005, nên quan hệ hôn nhân giữa bà P T P và ông N Đ P là hôn nhân hợp pháp. Tại đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản về việc không tiến hành hòa giải được thì bà P T P cho rằng quá trình chung sống giữa bà và ông P thường xuyên xảy ra mâu thuẫn do ông P thường xuyên say rượu, đánh vợ con, từ tháng 10/2018 cho đến nay bà và ông P đã ly thân. Nay bà P xác nhận tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn không thể hàn gắn được, nên yêu cầu được ly hôn với ông N Đ P. Tòa án đã tiến hành thông báo thụ lý vụ án, thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cũng như thông báo ngày xét xử cho ông P để bà P và ông P hàn gắn tình cảm, tuy nhiên ông P vẫn vắng mặt không có lý do, điều này chứng tỏ ông P không quan tâm đến cuộc sống hôn nhân của vợ chồng, cũng như không có điều kiện để Tòa án hàn gắn tình cảm, bà P cương quyết xin ly hôn. Xét thấy hai bên không thể hàn gắn tình cảm, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, khả năng đoàn tụ gia đình là không có, mục đích hôn nhân không đạt được, nên việc bà P T P yêu cầu ly hôn với ông N Đ P là có căn cứ được chấp nhận.

[4.2] Về con chung: Có 03 con chung tên N Đ B, sinh ngày 04/02/1995 (đã trưởng thành); N T N Q, sinh ngày 07/3/1997 (đã trưởng thành); N Q Q, sinh ngày 25/10/2012. Bà P yêu cầu được là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con tên N Q Q, không yêu cầu ông P cấp dưỡng nuôi con.

Theo bản sao giấy khai sinh số 26, quyền số 01, ngày 14/02/1995 do Ủy ban nhân dân Phường 3, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh cấp cho N Đ B, sinh ngày 04/02/1995 (nam); Bản sao giấy khai sinh số 170, quyền số 01, ngày 28/8/1997 do Ủy ban nhân dân Phường 3, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh cấp cho N T N Q, sinh ngày 07/3/1997 (nữ); Bản sao giấy khai sinh số 388/2012, ngày 02/11/2012 do Ủy ban nhân dân Phường 3, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh cấp cho N Q Q, sinh ngày 25/10/2012 (nam) đều thể hiện mẹ là bà P T P và cha là ông N Đ P. Như vậy, đủ cơ sở xác định bà P, ông P có 03 con chung tên N Đ B, N T N Q, N Q Q. Xét, hiện nay N Q Q đang do bà P trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, đồng thời phù hợp với nguyện vọng của trẻ Quy là tiếp tục được sống bà P, nên yêu cầu của bà P là có cơ sở chấp nhận. Bà P không yêu cầu ông P cấp dưỡng nuôi con, nên không xét. Đối với N Đ B, N T N Q đã trưởng thành, nên không xem xét.

[4.3] Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không xét.

Về án phí: Bà P phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 147, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 56, Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Luật án phí, lệ phí Tòa án; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Luật thi hành án dân sự.

Tuyên xử:

1/ Chấp nhận yêu cầu của bà P T P

- Về quan hệ hôn nhân: Bà P T P được ly hôn với ông N Đ P.

- Về con chung: Có 03 con chung tên N Đ B, sinh ngày 04/02/1995 (đã trưởng thành); N T N Q, sinh ngày 07/3/1997 (đã trưởng thành); N Q Q, sinh ngày 25/10/2012. Giao cho bà P là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con tên N Q Q. Bà P không yêu cầu ông P cấp dưỡng nuôi con.

Ông N Đ P được quyền thăm nom, chăm sóc giáo dục con chung tên N Q Q; Không ai được cản trở việc thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung. Vì lợi ích của con, khi có lý do chính đáng, một hoặc cả hai bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con, mức cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2/ Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: 300.000 đồng bà P T P phải nộp, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm do bà P đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0017529 ngày 08/01/2020 của chi cục thi hành án dân sự quận Bình Thạnh.

3/ Về quyền kháng cáo: Bà P T P, ông N Đ P có có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt hợp lệ bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND TP.HCM;
- VKSND quận Bình Thạnh;
- THADS quận Bình Thạnh;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ; VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thị Minh Thảo

